



QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và quy định pháp luật hiện hành;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 472/TTr-STC ngày 10 tháng 12 năm 2025 về dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ,

Ủy ban nhân dân ban hành quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2025.
2. Các Quyết định sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 13/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

b) Quyết định số 09/2024/QĐ-UBND ngày 22/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 13/12/2017.

c) Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH tỉnh để cho vay đối với người nghèo, đối tượng chính sách và các đối tượng khác trên địa bàn tỉnh.

d) Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc về sửa đổi, bổ sung Quy chế kèm theo Quyết định số 49/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc.

đ) Quyết định số 833/QĐ-UBND ngày 23/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Hòa Bình.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Phú Thọ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Ngân hàng CSXH Việt Nam;
- TT TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; UBMTTQ VN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- NHNN Khu vực 4;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Chi nhánh NHCSXH tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- TT Thông tin - Công báo (VP UBND tỉnh);
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Trọng Tấn

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh
Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh cho vay đối với người nghèo và
các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 129 /2025/QĐ - UBND)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ

1. Nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh đã ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác được hợp nhất sau sáp nhập tỉnh, được ký kết Hợp đồng giữa Sở Tài chính và Chi nhánh NHCSXH tỉnh Phú Thọ.

2. Nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh trích hằng năm ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác do Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh quyết định.

3. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác bằng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh, được trích hằng năm để bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo quy định tại Quy chế này.

Chương II CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh giao ký Hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh là Sở Tài chính

Hợp đồng ủy thác giữa Sở Tài chính với Chi nhánh NHCSXH tỉnh đảm bảo các nội dung được ban hành tại Quy chế này, như sau: Thông tin của bên ủy thác và bên nhận ủy thác, nội dung công việc ủy thác, tổng giá trị ủy thác, quyền và nghĩa vụ của bên ủy thác, bên nhận ủy thác, hiệu lực Hợp đồng và các nội dung cần thiết khác liên quan. Trường hợp có thay đổi về nội dung Hợp đồng ủy thác, Sở Tài chính, Chi nhánh NHCSXH tỉnh thực hiện điều chỉnh Hợp đồng ủy thác hoặc ký phụ lục Hợp đồng ủy thác.

Điều 4. Lập, phân bổ dự toán và quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh hàng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Lập dự toán nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua chi nhánh NHCSXH tỉnh Phú Thọ

a) Căn cứ Chương trình, Đề án, Kế hoạch bổ sung nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh hàng năm, giai đoạn được HĐND tỉnh, UBND tỉnh phê duyệt và thông qua, Chi nhánh NHCSXH tỉnh có văn bản đăng ký nhu cầu bổ sung kinh phí ủy thác gửi đến Sở Tài chính vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước hàng năm.

b) Trên cơ sở đề xuất bổ sung nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay các đối tượng chính sách, Sở Tài chính cân đối khả năng ngân sách cấp tỉnh, tham mưu báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định.

c) Đối với kinh phí cấp bù chi phí quản lý của Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo đề nghị của Chi nhánh NHCSXH tỉnh (*nếu có*), Sở Tài chính báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh quyết định.

2. Chuyển nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh

a) Căn cứ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh bổ sung hàng năm được phê duyệt, nhu cầu sử dụng vốn và văn bản đề nghị chuyển nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh của Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Sở Tài chính kiểm tra, rà soát và thực hiện chuyển vốn sang Chi nhánh NHCSXH tỉnh bằng hình thức lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

b) Mức chuyển cụ thể nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh bổ sung nguồn vốn cho vay hàng năm do Sở Tài chính quyết định, căn cứ vào nhu cầu vốn thực tế của các đối tượng và khả năng cân đối ngân sách tại từng thời điểm.

3. Phân bổ nguồn vốn

Căn cứ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh (*bao gồm nguồn vốn được bổ sung, tiền lãi nhập gốc và nguồn vốn thu hồi*):

- Chi nhánh NHCSXH tỉnh trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh phân bổ nguồn vốn vay đến các xã, phường trong tỉnh để triển khai thực hiện cho vay các đối tượng chính sách phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn của từng chương trình tín dụng chính sách và phê duyệt điều chỉnh nguồn vốn giữa các chương trình tín dụng theo nhu cầu cho vay thực tế;

- Trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ tình hình thực tế, khả năng thực hiện, nhu cầu của từng đơn vị cấp xã, Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh được phép quyết định điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch nguồn vốn cho vay ngân sách cấp tỉnh giữa các đơn vị hành chính cấp xã trong tỉnh.

Điều 5. Đối tượng cho vay

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo và các đối tượng chính sách khác tương ứng với từng chương trình tín dụng theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Các đối tượng chính sách khác (*ngoài đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều này*) do HĐND tỉnh quyết định (*nếu có*).

Điều 6. Mục đích sử dụng vốn vay

Thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH Việt Nam và của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đối với từng chương trình cho vay, đối tượng cho vay cụ thể.

Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, bảo đảm tiền vay (*nếu có*), quy trình, thủ tục cho vay

1. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay:

Do HĐND tỉnh quy định trên cơ sở các quy định hiện hành của NHCSXH và phù hợp với thực tế tại địa phương.

2. Quy trình, thủ tục, điều kiện cho vay, đảm bảo tiền vay (*nếu có*): Thực hiện theo quy định hiện hành của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Điều 8. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Về thẩm quyền gia hạn nợ do Chi nhánh NHCSXH tỉnh và các đơn vị trực thuộc xem xét, quyết định theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của NHCSXH trong từng thời kỳ.

Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. Chi nhánh NHCSXH tỉnh quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh vào thu nhập của Chi nhánh NHCSXH tỉnh và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của NHCSXH và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (*không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh*);

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung, không đủ trích phí quản lý cho

Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo quy định, ngân sách tỉnh cấp bù phần còn thiếu cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Chi nhánh NHCSXH tỉnh, các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác. Mức trích 2,5% số tiền lãi thu được và phân bổ như sau:

- Trích 2% số tiền lãi thu được từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh: Chi cho công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh (*thông qua cơ quan thường trực là Chi nhánh NHCSXH tỉnh*);

- Trích 0,25% số tiền lãi thu được từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh: Chi công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của Sở Tài chính;

- Trích 0,25% số tiền lãi thu được từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh: Chi công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát của Sở Nội vụ.

d) Phần còn lại (*nếu có*) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại điểm c, khoản 1, điều 9 Quy chế này thực hiện như sau:

a) Chi tổ chức họp, hội nghị, sơ kết, tổng kết hoạt động ủy thác vốn cho vay qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo các nội dung quy định tại Quy chế này. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

b) Chi công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật và các quy định, hướng dẫn về cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác: Thực hiện theo các quy định của Trung ương và tỉnh về nội dung, mức chi, định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí, đơn giá tương ứng với từng hình thức tuyên truyền mà đơn vị thực hiện lựa chọn theo quy định của pháp luật (*tuyên truyền trên truyền hình, báo in, báo điện tử, xuất bản phẩm, hội nghị, tọa đàm,...*).

c) Chi hội nghị tập huấn nghiệp vụ hoạt động ủy thác vốn qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh cho vay theo các nội dung quy định tại Quy chế này. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

d) Chi hỗ trợ văn phòng phẩm, in tài liệu triển khai các nhiệm vụ liên quan hoạt động ủy thác vốn cho vay. Mức chi căn cứ vào khối lượng công việc thực tế và hóa đơn, chứng từ chi tiêu theo quy định.

đ) Chi mua sắm, sửa chữa tài sản cố định, công cụ dụng cụ, vật liệu phục vụ công tác cho vay từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh. Quy trình mua sắm thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu. Định

mức mua sắm, quy trình mua sắm theo quy định tại Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và quy định pháp luật hiện hành.

e) Chi làm thêm ngoài giờ phục vụ công tác quản lý nguồn vốn vay ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

g) Chi kiểm tra, giám sát đối với hoạt động ủy thác cho vay qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo các nội dung quy định tại Quy chế này. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định về công tác phí tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

h) Chi thưởng bằng tiền cho các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác quản lý vốn cho vay hàng năm; chủ dự án, người vay vốn sử dụng hiệu quả vốn vay. Mức chi đối với tập thể trong một năm là 02 (hai) lần mức lương cơ sở, cá nhân là 01 (một) lần mức lương cơ sở. Giám đốc chi nhánh NHCSXH tỉnh ban hành Quyết định khen thưởng bằng tiền đối với các tập thể, cá nhân trên cơ sở thành tích đạt được và phê duyệt chủ trương của Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh.

i) Các khoản chi khác phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền phê duyệt kinh phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại điểm c, khoản 1 điều 9 Quy chế này:

a) Đối với nguồn kinh phí được trích của các Sở, ngành, đơn vị liên quan: Căn cứ kinh phí được trích trong năm và nội dung chi, mức chi nêu tại khoản 2, điều 9 Quy chế này, Thủ trưởng các đơn vị có trách nhiệm lập, phê duyệt dự toán làm cơ sở thực hiện trong năm và phê duyệt quyết toán phần kinh phí được giao quản lý, sử dụng theo quy định, đúng chế độ kế toán, tài chính hiện hành.

b) Đối với nguồn kinh phí được trích của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh: Căn cứ kinh phí được trích trong năm và nội dung chi, mức chi nêu tại khoản 2, điều 9 Quy chế này, Giám đốc chi nhánh NHCSXH tỉnh có trách nhiệm lập dự toán các nội dung chi trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh phê duyệt làm cơ sở thực hiện và quyết toán phần kinh phí của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh theo quy định, đúng chế độ kế toán, tài chính hiện hành. Kết thúc năm ngân sách, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo, tổng hợp quyết toán số kinh phí đã sử dụng trong năm.

c) Số kinh phí được giao quản lý sử dụng trong năm còn lại được chuyển sang năm sau để tiếp tục theo dõi, quản lý và sử dụng.

d) Trường hợp các đơn vị không sử dụng hết số kinh phí được trích, căn cứ tình hình thực tế, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh và các đơn vị liên quan trình UBND tỉnh điều chuyển phần kinh phí còn dư bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay các đối tượng chính sách theo quy định.

e) Trường hợp tiền lãi thu được không đủ bù đắp các khoản chi phí về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; chi phí quản lý cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh, trước ngày 15 tháng 01 hằng năm, Chi nhánh NHCSXH tỉnh có trách nhiệm báo cáo phân bổ lãi cho vay thu được năm trước gửi Sở Tài chính làm cơ sở đối chiếu, xác nhận số kinh phí phải cấp bù trong năm, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Điều 10. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro: Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được Chi nhánh NHCSXH tỉnh trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.

4. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro, căn cứ khả năng ngân sách, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo UBND tỉnh bổ sung ngân sách tỉnh để xử lý hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách tỉnh chuyển qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Điều 11. Chế độ báo cáo

Định kỳ 6 tháng (*trước ngày 10 tháng 7*), hằng năm (*trước ngày 10 tháng 01 năm sau*) hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi UBND tỉnh, Sở Tài chính.

Điều 12. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính

a) Ký Hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

b) Tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí ngân sách chuyển bổ sung vốn ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, mục tiêu của tỉnh liên quan đến tín dụng chính sách về phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội.

c) Căn cứ tiến độ huy động nguồn thu, chuyển vốn kịp thời cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn theo Quyết định của UBND tỉnh và đề nghị của Chi nhánh NHCSXH tỉnh; chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét, tổng hợp dự toán kinh phí cấp bù chi phí quản lý nguồn vốn ủy thác (nếu có) làm cơ sở báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh bố trí ngân sách để thực hiện; thực hiện kiểm tra kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác tại Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

d) Trên cơ sở đề xuất của Chi nhánh NHCSXH tỉnh, xem xét trình cấp có thẩm quyền xử lý nợ bị rủi ro đối với những trường hợp bị rủi ro theo quy định tại khoản 1, Điều 10 quy chế này.

đ) Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH tỉnh và các đơn vị liên quan kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 9 Quy chế này.

2. Các Sở, ban, ngành liên quan

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh xây dựng Chương trình, Đề án, Kế hoạch về phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, phát triển nguồn nhân lực, tạo việc làm, đảm bảo an sinh xã hội, chuyển đổi nghề, phát triển nhà ở, phát triển kinh tế tư nhân gắn với chính sách tín dụng ưu đãi đặc thù của địa phương phù hợp với lĩnh vực, chức năng, nhiệm vụ quản Nhà nước của đơn vị, đồng thời phối hợp với Sở Tài chính tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay.

b) Chỉ đạo, tham mưu cấp có thẩm quyền phê duyệt danh sách các đối tượng được thụ hưởng các chính sách tín dụng ưu đãi đặc thù của địa phương làm căn cứ để Chi nhánh NHCSXH tỉnh thực hiện cho vay.

c) Định kỳ đánh giá kết quả thực hiện báo cáo UBND tỉnh trước ngày 31 tháng 12 hằng năm.

3. Chi nhánh NHCSXH tỉnh

a) Ký Hợp đồng ủy thác với Sở Tài chính.

b) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách tỉnh chuyển sang chi nhánh NHCSXH tỉnh theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này. Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

c) Hướng dẫn quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay, điều kiện vay vốn, định kỳ trả nợ, thu lãi, xử lý nợ đến hạn, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn theo quy định hiện hành của NHCSXH. Công khai quy định về các chương trình tín dụng chính sách từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh tại Điểm giao dịch và tại trụ sở NHCSXH nơi cho vay.

d) Tham mưu Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH tỉnh phân bổ nguồn vốn cho vay, điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch giữa các chương trình tín dụng; chủ động thực hiện điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch tín dụng giữa các xã, phường phù hợp tình hình thực tế, nhu cầu vay vốn của các đối tượng thụ hưởng, khả năng giải ngân nhằm tránh tồn đọng, lãng phí vốn;

đ) Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

e) Định kỳ báo cáo kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh chuyển qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo quy định tại Điều 11 Quy chế này.

4. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay;

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo quy định hiện hành đã ký với Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

5. UBND xã, phường

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này;

b) Phối hợp với NHCSXH nơi cho vay, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn;

c) Phối hợp với NHCSXH nơi cho vay xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn,... hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; thành lập tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi.

6 Trách nhiệm của người vay:

a) Kê khai hồ sơ đầy đủ, trung thực, chính xác;

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích;

c) Hoàn trả gốc, lãi đúng quy định.

Điều 14. Xử lý chuyển tiếp

1. Các Hợp đồng vay vốn và hồ sơ cho vay đã ký/được phê duyệt trước thời điểm Quyết định này có hiệu lực tiếp tục thực hiện cho đến khi thu hồi xong khoản nợ.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy chế này được điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản mới thì áp dụng theo văn bản mới đó.

3. Sở Tài chính và Chi nhánh NHCSXH tỉnh thực hiện ký lại Hợp đồng ủy thác theo quy định tại Quy chế này, thay thế cho Hợp đồng ủy thác, phụ lục hợp đồng ủy thác đã ký trước đây.